|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THCS VÀ THPT**  **NGỌC VIỄN ĐÔNG** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  Năm học: 2021 – 2022  Môn: Hoá học – Khối: 12  Thời gian: 45 phút *(không tính thời gian phát đề)*  MÃ ĐỀ 103 |

ĐỀ CHÍNH THỨC

**Họ và tên thí sinh:.............................................................. Lớp:............... SBD: ………..**

**Câu 1.** Nhiệt độ sôi của các chất được sắp xếp theo thứ tự tăng dần đúng là

**A.** CH3COOCH3< CH3COOH < C2H5OH.

**B.** CH3COOCH3 < C2H5OH < CH3COOH.

**C.** HCOOH < CH3OH < CH3COOH.

**D.** C2H5OH < CH3COOCH3< CH3COOH.

**Câu 2.** Dãy gồm các chất đều tham gia phản ứng tráng bạc là:

**A.** saccarozơ, tinh bột, xenlulozơ.

**B.** fructozơ, tinh bột, anđehit fomic.

**C.** fructozo, anđehit fomic, glucozơ.

**D.** anđehit axetic, fructozơ, xenlulozơ.

**Câu 3.** Muối mononatri của amino axit nào sau đây được dùng làm mì chính?

**A.** Axit amino axetic **B.** Alanin.

**C.** Lysin. **D.** Axit glutamic.

**Câu 4.** Các dung dịch Glucozo và saccarozơ đều có khả năng tham gia phản ứng

**A.** trùng ngưng. **B.** thủy phân.

**C.** tráng gương. **D.** hoà tan Cu(OH)2.

**Câu 5.** propyl axetat có công thức là:

**A.** CH3COOCH2CH2CH3. **B.** CH3COOC2H5.

**C.** CH3COOCH3. **D.** CH3COOCH(CH3)2

**Câu 6.** Xà phòng hóa hoàn toàn **m** gam triglixerit X (chất béo) trong dd KOH thu được dd chứa 76,96 g hỗn hợp muối và 7,36 g glixerol. Giá trị a là

**A.** 84,32 **B.** 35,44 **C.** 70,88 **D.** 74,72

**Câu 7.** Polime nào sau đây được tổng hợp bằng phản ứng trùng hợp?

**A.** Nilon-6,6 **B.** Xenlulozơ.

**C.** Polietilen. **D.** Polisaccarit.

**Câu 8.** Cho dãy các polime sau: polietilen (1), xenlulozơ (2), nilon –6,6 (3), amilozơ (4), nilon-6,6 (5), tơ visco (6) . Số polime tổng hợp có trong dãy là

**A.** 6. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 3.

**Câu 9.** Cho 5,44 gam CH3COOC6H5 vào 50 ml dung dịch NaOH 2M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được số gam chất rắn là

**A.** 11,88 g **B.** 4,36 g **C.** 5,68 g **D.** 8,72 g

**Câu 10.** Cho dãy các chất: tinh bột, xenlulozơ, glucozơ, fructozơ, saccarozơ. Số chất trong dãy thuộc loại monosaccarit là:

**A.** 4. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 1.

**Câu 11.** Phát biểu nào **sai**?

**A.** Nilon-6 thuộc loại poliamit.

**B.** Tơ capron, tơ visco và nilon-6,6 là tơ tổng hợp.

**C.** Chất dẻo là những vật liệu bi biến dạng dưới tác dụng của nhiệt độ, áp suất và giữ nguyên sự biến dạng ấy khi thôi tác dụng.

**D.** Tơ tằm, bông, tinh bột là polime thiên nhiên.

**Câu 12.** Cho các chất sau: Tinh bột; glucozơ; saccarozơ; xenlulozơ; fructozơ. Số chất **không** tham gia phản ứng tráng gương là

**A.** 1. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 2.

**Câu 13.** Chất nào sau đây thuộc loại amin bậc 1?

**A.** C2H5NH2 **B.** (CH3)3N

**C.** CH3NHCH3 **D.** CH3CH2NHCH3

**Câu 14.** C3H9N có bao nhiêu đồng phân amin bậc 1?

**A.** 2 **B.** 5 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 15.** Để khử mùi tanh của cá (gây ra do một số amin) nên rửa cá với?

**A.** Dung dịch NaOH. **B.** nước muối.

**C.** nước. **D.** giấm ăn.

**Câu 16.** Phát biểu nào sau đây không đúng?

**A.** Khi nhỏ dung dịch iot vào hồ tinh bột xuất hiện màu xanh tím đặc trưng.

**B.** Protein rất it tan trong nưrớc và dễ tan khi đun nóng.

**C.** Khi cho Cu(OH)2 vào lòng trắng trứng thấy xuất hiện màu tím đặc trưng.

**D.** Phân tử các protein gồm các mạch dài polipeptit tạo nên.

**Câu 17.** Dung dịch glyxin (axit α-aminoaxetic) phản ứng được với dung dịch nào sau đây?

**A.** CaCO3. **B.** Cu(OH)2. **C.** KOH. **D.** KBr.

**Câu 18.** Cho 7,5 gam glyxin tác dụng với 200 ml dung dịch HCl 1M, thu được dung dịch X. Thêm vào dung dịch X lượng vừa đủ dung dịch NaOH 1M được dung dịch Y. Cô cạn cẩn thận Y được m gam chất rắn khan. Giá trị m là

**A.** 23,0 **B.** 23,4. **C.** 35,6 **D.** 21,2.

**Câu 19.** Phân tử khối trung bình của polietilen X là 476000. Hệ số polime hoá của PE là

**A.** 13.000 **B.** 12.000 **C.** 15.000 **D.** 17.000

**Câu 20.** Xà phòng hoá 8,8 g etyl axetat bằng 200ml dung dịch NaOH 1M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu đựơc chất rắn khan có khối lượng là:

**A.** 10,32g. **B.** 12,2 g. **C.** 3,28 g. **D.** 13,04g.

**Câu 21.** Cho các phát biểu nào sau đây

(1)**.** Ở điều kiện thường, chất béo (C17H33COO)3C3H5 ở trạng thái rắn.

(2).Fructozơ có nhiều trong mật ong.

(3).Metylacrylat, tripanmitin và tristearin đều là este.

(4).Thủy phân hoàn toàn chất béo luôn thu được glixerol.

Số phát biểu đúng là

**A.** 3. **B.** 1 **C.** 2. **D.** 4

**Câu 22.** Khi xà phòng hóa tristearin trong dung dịch NaOH ta thu được sản phẩm là:

**A.** C17H35COONa và glixerol **B.** C17H35COOH và glixerol.

**C.** C15H31COOH và glixerol. **D.** C17H33COONa và glixerol.

**Câu 23.** Metylamin và anilin **không** phản ứng được với dụng dịch nào sau đây?

**A.** CH3COOH **B.** HNO3. **C.** HCl. **D.** NaOH.

**Câu 24.** Cho 9,0 gam etylamin tác dụng vừa đủ với axit HCl. Khối lượng muối thu được là

**A.** 18,5 gam. **B.** 17,6 gam. **C.** 18,10 gam. **D.** 16,3 gam.

**Câu 25.** Chất **không** tham gia phản ứng thủy phân là

**A.** Xenlulozơ. **B.** Chất béo. **C.** Tinh bột. **D.** Glucozơ.

**Câu 26.** Cho các chất: alanin, lysin, glyxin, etylamin. Số chất làm quỳ tím đổi màu là

**A.** 4. **B.** 3 **C.** 1. **D.** 2.

**Câu 27.** Cho các phát biểu sau:

(1). Chất béo không tan trong nước và nhẹ hơn nước

(2). Chất béo là trieste của glixerol và axit béo

(3). Chất béo lỏng t/d với H2(Ni,to) thu được chât béo rắn.

(4). thủy phân este trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.

(5). Axit oleic có công thức phân tử là C17H35COOH.

Số phát biểu ***đúng*** là:

**A.** 3. **B.** 2. **C.** 5. **D.** 4.

**Câu 28.** Trong các dung dịch CH3-CH2-NH2 (1), H2N-CH2-COOH (2), H2N-CH2-CH(NH2)-COOH (3), HOOC-CH2-CH2-CH(NH2)-COOH (4),

Số dung dịch làm xanh quỳ tím là

**A.** 3. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 4.

**Câu 29.** Peptit nào sau đây **không** có phản ứng màu biure?

**A.** Ala-Gly-Gly. **B.** Gly-Ala-Gly.

**C.** Gly-Gly. **D.** Ala-Ala-Gly-Gly.

**Câu 30.** Để chứng minh trong phân tử của glucozơ có nhiều nhóm hiđroxyl, người ta cho dung dịch glucozơ phản ứng với

**A.** AgNO3 trong dung dịch NH3, đun nóng.

**B.** kim loại Na.

**C.** Cu(OH)2 trong NaOH, đun nóng.

**D.** Cu(OH)2 ở nhiệt độ thường.

**Câu 31.** Cho triolein lần lượt vào mỗi ống nghiệm chứa riêng biệt: Na, Cu(OH)2, CH3OH, dung dịch Br2, dung dịch NaOH. Trong điều kiện thích hợp, số phản ứng xảy ra là

**A.** 5. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 2.

**Câu 32.** Cho dung dịch có chứa 54 gam glucozơ tác dụng với một lượng dư AgNO3/NH3 (to) thu được m gam kết tủa. Tính giá trị của m

**A.** 32,4. **B.** 64,8. **C.** 86,4. **D.** 54,0.

**Câu 33.** Anilin có công thức là

**A.** CH3OH. **B.** CH3COOH. **C.** C6H5OH. **D.** C6H5NH2.

**Câu 34.** Số liên kết peptit trong phân tử Gly-Ala-Ala-Gly là

**A.** 2. **B.** 1. **C.** 4. **D.** 3.

**Câu 35.** Có thể gọi tên este (C17H35COO)3C3H5 là

**A.** stearic **B.** triolein **C.** tripanmitin **D.** tristearin

***------ HẾT ------***